BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 7065 /BC-BNN-KTHT	*Hà Nội, ngày 27 tháng 10 năm 2021*

BÁO CÁO
Tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến của các Bộ, ngành, địa phương, đơn vị liên quan góp ý dự thảo Nghị định khuyến khích phát triển cơ giới hóa đồng bộ trong nông nghiệp

Ngày 20/7/2021, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn gửi Công văn số 4517/BNN-KTHT xin ý kiến các Bộ, ngành, địa phương và các đơn vị liên quan, đồng thời xin ý kiến rộng rãi trên trên Cổng thông tin điện tử Chính phủ, Cổng thông tin điện tử Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về hồ sơ dự thảo Nghị định, gồm: i) Dự thảo Nghị định; ii) Dự thảo Tờ trình Chính phủ; iii) Báo cáo thực hiện Quyết định số 68/2013/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ nhằm giảm tổn thất trong nông nghiệp.

Đến ngày 24/9/2021, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã nhận được 86 văn bản góp ý, gồm:

- Các Bộ, ngành, đơn vị, hiệp hội (13 đơn vị), các Bộ: Tư pháp, Công Thương, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Tài nguyên và Môi trường, Nội vụ, Tài chính, Lao động - Thương binh và Xã hội, Kế hoạch và Đầu tư, Khoa học và Công nghệ, Tổng hội cơ khí Việt Nam, Tổng công ty Máy động lực máy Nông nghiệp Việt Nam, Công ty TNHH máy nông nghiệp Yanmar Việt Nam; Công ty TNHH Kubota Việt Nam.

- Các đơn vị thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (14 đơn vị): Các Vụ: Pháp chế, Quản lý doanh nghiệp; Văn phòng Bộ; Các Tổng cục: Lâm nghiệp, Phòng chống thiên tai, Thủy lợi; Các Cục: Quản lý chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản; Quản lý xây dựng công trình; Chế biến và Phát triển thị trường nông sản; Trồng trọt; Chăn nuôi; Bảo vệ Thực vật, Trường Đại học Lâm nghiệp, Viện Cơ điện Nông nghiệp và Công nghệ sau thu hoạch;

- Địa phương: Gồm 59/63 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

- Cổng thông tin điện tử Chính phủ: 01 ý kiến; Cổng thông tin điện tử Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: Không có ý kiến góp ý.

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn báo cáo tổng hợp, giải trình, tiếp thu các ý kiến góp ý dự thảo Nghị định, dự thảo Tờ trình Chính phủ, Báo cáo thực hiện Quyết định số 68/2013/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ (có bảng tổng hợp giải trình, tiếp thu các ý kiến kèm theo) tập trung các nhóm vấn đề chính sau:

I. ĐỐI VỚI DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

1. Về bố cục, thể thức

a) Bố cục: Các ý kiến góp ý cơ bản thống nhất với bố cục và thể thức của dự thảo Nghị định (gồm 4 chương và 19 điều);

- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn biên tập, chỉnh sửa, bổ sung các phụ lục:

+ Phụ lục I: Các loại máy, thiết bị, công nghệ phục vụ sản xuất nông nghiệp;

+ Phụ lục II: Dây chuyền máy, thiết bị, công nghệ bảo quản, chế biến nông sản;

+ Phụ lục III: Phương pháp đánh giá các tiêu chí dự án đầu tư cơ giới hóa động bộ trong nông nghiệp;

+ Phụ lục IV: Báo cáo tổng hợp các chỉ tiêu đánh giá hoạt động cơ giới hóa, chế biến nông sản;

+ Phụ lục V: Mẫu 1: Văn bản đề nghị thực hiện dự án đầu tư cơ giới hóa đồng bộ; Mẫu 2: Thuyết minh dự án đầu tư cơ giới hóa đồng bộ.

- Bổ sung đánh giá tác động thủ tục hành chính của dự án đầu tư cơ giới hóa đồng bộ.

b) Thể thức: Tiếp thu chỉnh sửa về thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản theo đúng quy định tại Nghị định số 34/2016/NĐ-CP và Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

2. Về nội dung

a) Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng, giải thích từ ngữ:

- Tiếp thu các ý kiến góp ý, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã biên tập, chỉnh sửa về phạm vi điều chỉnh cô đọng như sau: "*Nghị định này quy định về nội dung, tiêu chí, chính sách hỗ trợ cơ giới hóa và cơ giới hóa đồng bộ trong nông nghiệp"*;

- Tiếp thu bổ sung về đối tượng đối với *"...cá nhân, hộ gia đình, trang trại, liên hiệp hợp tác xã, trung tâm cơ giới hóa nông nghiệp"*;

- Tiếp thu, điều chỉnh và biên tập lại về giải thích từ ngữ còn 4 khoản (từ 7 khoản): gồm các khâu của lĩnh vực trồng trọt, chăn nuôi, lâm nghiệp, thủy sản, diêm nghiệp. Điều chỉnh, bổ sung các khâu *"Vận chuyển, bảo quản, sử dụng phụ phẩm nông nghiệp"*. Giải thích rõ hơn các thuật ngữ về *"Cơ giới hóa nông nghiệp", "Cơ giới hóa đồng bộ trong nông nghiệp", "Cơ giới hóa đồng bộ theo chuỗi liên kết"; "Dự án đầu tư cơ giới hóa đồng bộ trong nông nghiệp"*.

b) An toàn lao động, vệ sinh lao động trong cơ giới hóa nông nghiệp:

Một số ý kiến đề nghị xem xét việc quy định người lao động vận hành, sử dụng máy, thiết bị nông nghiệp, chế biến nông sản "được cấp chứng chỉ, chứng nhận đào tạo, huấn luyện về kỹ năng sử dụng, vận hành máy, thiết bị về an toàn vệ sinh lao động, an toàn thực phẩm cho phù hợp với pháp luật về an toàn, vệ sinh lao động.

Về ý kiến này, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã giải trình: "*đối với người sử dụng máy, thiết bị sản xuất nông nghiệp, được đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng sử dụng vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa máy, thiết bị, công nghệ trong nông nghiệp và tổ chức thực hiện các dự án cơ giới hóa đồng bộ trong nông nghiệp; công tác quản lý nhà nước về cơ giới hóa, cơ giới hóa đồng bộ trong nông nghiệp"*, phối hợp với các các Bộ, ngành, địa phương, đơn vị liên quan hướng dẫn thực hiện chương trình đào tạo, bồi dưỡng nâng cao chất lượng nguồn nhân lực phục vụ cơ giới hóa nông nghiệp; tổ chức huấn luyện bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động trong cơ giới hóa, cơ giới hóa đồng bộ trong nông nghiệp.

c) An toàn kỹ thuật đối với máy, thiết bị, công nghệ trong nông nghiệp:

- Một số ý kiến đề nghị làm rõ sự cần thiết việc quy định giám định máy, thiết bị, công nghệ và tổ chức chỉ định tổ chức giám định.

Về nội dung này, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn giải trình: Chất lượng sản phẩm, hàng hóa được quản lý trên cơ sở tiêu chuẩn công bố áp dụng, quy chuẩn kỹ thuật tương ứng. Hiện tại các loại máy, thiết bị nông nghiệp là sản phẩm, hàng hoá nhóm 1 được quản lý chất lượng trên cơ sở tiêu chuẩn do người sản xuất, kinh doanh công bố áp dụng. Đối với sản phẩm, hàng hóa có khả năng gây mất an toàn (nhóm II) được quản lý chất lượng trên cơ sở quy chuẩn kỹ thuật tương ứng do cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền ban hành và tiêu chuẩn do người sản xuất công bố áp dụng (Điều 5 Luật Chất lượng sản phẩm hàng hóa). Mặt khác, tổ chức, cá nhân sản xuất kinh doanh có trách nhiệm công bố tiêu chuẩn áp dụng cho sản phẩm, hàng hóa phù hợp với quy chuẩn, tiêu chuẩn đã công bố (Điều 62 Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật).

Vì vậy, dự thảo chính sách đề xuất các loại máy, thiết bị, công nghệ phục vụ sản xuất nông nghiệp; dây chuyền máy, công nghệ bảo quản, chế biến nông sản được nhập khẩu, sản xuất, lắp ráp trong nước quy định tại Phụ lục I, Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này phải công bố tiêu chuẩn áp dụng (đối với sản phẩm chưa có quy chuẩn kỹ thuật); phải công bố hợp quy và công bố tiêu chuẩn áp dụng (đối với sản phẩm đã có quy chuẩn kỹ thuật) nhằm bảo đảm chất lượng phù hợp với quy chuẩn, tiêu chuẩn đã công bố theo quy định của pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

d) Trung tâm cơ giới hóa nông nghiệp:

Nhiều ý kiến đề nghị làm rõ căn cứ, sự cần thiết, chức năng, nhiệm vụ, cơ quan chủ quản, cấp quản lý của Trung tâm cơ giới hóa nông nghiệp, tránh phát sinh tổ chức, biên chế:

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã rà soát, biên tập, bổ sung, như khái quát về Trung tâm (Điều 3) và các tiêu chí, nhiệm vụ của Trung tâm cơ giới hóa nông nghiệp (Điều 9).

Sự cần thiết: Việc hình thành các Trung tâm cơ giới hóa nông nghiệp phù hợp với điều kiện thực tế tại các địa phương, vùng miền, nhằm thực hiện hoặc làm đầu mối liên kết các tổ chức, cá nhân cùng thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển cơ giới hóa đồng bộ trong nông nghiệp, đáp ứng nhu cầu sản xuất nông nghiệp ở các địa phương, vùng, miền. Hình thành chuỗi liên kết giữa Nhà nông - Nhà nước - Nhà khoa học - Nhà doanh nghiệp, trong đó doanh nghiệp là nòng cốt làm đầu mối thực hiện hoặc điều phối các tổ chức (dự án phát triển, doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác), cá nhân trong và ngoài nước nhằm thực hiện các hoạt động trong lĩnh vực cơ giới hóa nông nghiệp. Để thực hiện các nhiêm vụ thì Trung tâm phải đáp ứng các tiêu chí: i) Có chức năng, nhiệm vụ hoạt động nghiên cứu, chuyển giao khoa học, công nghệ, đào tạo, huấn luyện lao động và cung ứng dịch vụ cơ giới hóa nông nghiệp; ii) Có trang bị máy móc, thiết bị, công nghệ hoặc hợp tác, liên kết với các đối tác đáp ứng các nhiệm vụ cơ giới hóa trong nông nghiệp; iii) Có các giảng viên hoặc hợp tác, liên kết với các đối tác đáp ứng nhu cầu đào tạo, huấn luyện, hướng dẫn vận hành máy, thiết bị, công nghệ trong nông nghiệp; iv) Phạm vi hoạt động ở cấp độ vùng kinh tế trọng điểm, không trùng lặp về chức năng hoạt động giữa các Trung tâm.

Nhiệm vụ của Trung tâm: i) Cung cấp vật tư, máy, thiết bị, công nghệ phục vụ sản xuất nông nghiệp; các dịch vụ sửa chữa, bảo hành, cơ giới hóa, chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ về cơ giới hóa nông nghiệp; ứng dụng máy, thiết bị, công nghệ trong xử lý phụ phẩm nông nghiệp; ii) Tổ chức đào tạo, tập huấn nâng cao kỹ năng nghề phục vụ cơ giới hóa nông nghiệp; iii) Phối hợp với các tổ chức, cá nhân xây dựng các chuỗi liên kết sản xuất, chế biến, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp gắn với cơ giới hóa và cơ giới hóa đồng bộ trong nông nghiệp; iv) Xây dựng các mô hình trình diễn, giới thiệu quảng bá máy, thiết bị, công nghệ nông nghiệp; dự án đầu tư cơ giới hóa đồng bộ trong nông nghiệp; v) Tổ chức thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ nhằm đẩy mạnh yêu cầu cơ giới hóa đồng bộ trong nông nghiệp và phát triển vùng (nếu có) được nhà nước đặt hàng.

Trung tâm cơ giới hóa nông nghiệp ngoài việc đăng ký hoạt động đầu tư kinh doanh theo ngành, nghề được quy định tại pháp luật đầu tư, Trung tâm có năng lực, điều kiện để liên kết, hợp tác và làm đầu mối tổ chức các hoạt động nghiên cứu, chuyển giao khoa học, công nghệ, đào tạo, huấn luyện lao động và cung ứng dịch vụ cơ giới hóa nông nghiệp không phụ thuộc vào địa giới hành chính các cấp; là tổ chức được thành lập, hoạt động không liên quan đến nguồn vốn đầu tư, biên chế của nhà nước.

đ) Dự án đầu tư cơ giới hóa đồng bộ trong nông nghiệp, một số ý kiến đề nghị phương pháp tính cụ thể hơn về các tiêu chí của dự án.

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã rà soát, lấy ý kiến chuyên gia và đề xuất phương pháp tính đối với các tiêu chí quy định tại Phụ lục III.

e) Các chính sách hỗ trợ

- Đề nghị nội dung của dự thảo Nghị định thống nhất với Tờ trình Chính phủ số 1772/TTr-BNN-KTHT đã được Thủ tướng Chính phủ đồng ý tại Văn bản số 735/TTg-NN ngày 01/6/2021.

Về nội dung này, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn không mở rộng phạm vi điều chỉnh, nội dung chính sách, đã biên tập theo 04 chính sách như Tờ trình Chính phủ.

- Một số ý kiến đề nghị rà soát để tránh trùng lặp, hoặc có quy định để gắn kết chính sách hỗ trợ của dự thảo Nghị định với các Chương trình mục tiêu quốc gia (Chương trình Mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, Chương trình Mục tiêu quốc gia giảm nghèo và an sinh xã hội bền vững giai đoạn 2021-2025, Chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025).

Về nội dung này, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã rà soát các Chương trình mục tiêu quốc gia trên không có nội dung trùng lặp với các chính sách hỗ trợ tại dự thảo Nghị định.

- Tổ biên tập đã tiếp thu ý kiến của một số địa phương và đề xuất điều chỉnh 3 chính sách hỗ trợ, cụ thể:

(i) Về hỗ trợ đầu tư mua máy, thiết bị, công nghệ phục vụ sản xuất nông nghiệp (Điều 12):

+ Mức vay tối đa tăng từ 70% lên 100% giá trị máy, thiết bị, công nghệ thuộc danh mục tại Phụ lục I: Các loại máy, thiết bị, công nghệ phục vụ sản xuất nông nghiệp;

+ Hỗ trợ 100% lãi suất vốn vay tăng từ 2,5 năm lên 3 năm (36 tháng);

+ Các loại máy, thiết bị, công nghệ là máy, thiết bị, công nghệ còn mới.

(ii) Về hỗ trợ các dự án đầu tư cơ giới hóa đồng bộ (Điều 13):

+ Dự án đầu tư cơ giới hóa đồng bộ được đánh giá ở mức đạt như dự thảo và được Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thẩm định trình Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt.

+ Các loại dây chuyền công nghệ bảo quản, chế biến nông sản tại Phụ lục II là máy, thiết bị, công nghệ mới hoặc đáp quy định việc nhập khẩu đối với máy, thiết bị, dây chuyền công nghệ đã qua sử dụng theo quy định hiện hành.

+ Mức lãi suất hỗ trợ đề xuất tăng từ 3% lên 5%/năm, tính trên số dư nợ gốc vay tại các ngân hàng thương mại và thời hạn vay, bao gồm các hạng mục: Các loại máy, thiết bị, dây chuyền công nghệ bảo quản, chế biến nông sản; hạ tầng kỹ thuật phục vụ yêu cầu cơ giới hóa đồng bộ trong nông nghiệp; tư vấn lập dự án; đào tạo, huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động.

+ Hạn mức vay vốn: Tối đa không quá 70% tổng mức đầu tư dự án;

+ Thời gian hỗ trợ lãi suất tính từ ngày bắt đầu giải ngân đến khi tất toán nợ vay theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng, nhưng không quá 12 năm.

(iii) Về hỗ trợ Trung tâm cơ giới hóa nông nghiệp (Điều 14):

+ Ngoài các chính sách được hỗ trợ mua máy, thiết bị, công nghệ, dự án đầu tư cơ giới hóa đồng bộ, Trung tâm cơ giới hóa nông nghiệp còn được hưởng các cơ chế, chính sách ưu đãi, hỗ trợ của nhà nước về nông nghiệp, nông thôn, thực hiện các chương trình, đề án, dự án phát triển nông nghiệp, nông thôn của Chính phủ, bộ, ngành, địa phương. Được miễn bốn (04) năm thuế thu nhập doanh nghiệp kể từ ngày được cấp đăng ký hoạt động và hưởng mức thuế giá trị gia tăng (VAT) bằng không phần trăm (0%)[1] đối với các hàng hóa, dịch vụ của Trung tâm khi triển khai thực hiện các nhiệm vụ quy định tại khoản 2 Điều 9 Nghị định này.

g) Về nguồn vốn hỗ trợ (Điều 15) gồm: vốn chi thường xuyên, vốn đầu tư công bố trí cho phát triển nông nghiệp, nông thôn; các Chương trình mục tiêu quốc gia: Xây dựng Nông thôn mới; Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; Giảm nghèo bền vững và các Chương trình mục tiêu khác.

h) Cơ chế và nguyên tắc hỗ trợ (Điều 16): Các chính sách hỗ trợ quy định tại Nghị định này thực hiện theo cơ chế hỗ trợ sau đầu tư.

i) Về tổ chức thực hiện (Điều 17): Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã tiếp thu, bổ sung cụ thể: Trách nhiệm của các Bộ, Ngành Trung ương; Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

II. ĐỐI VỚI DỰ THẢO TỜ TRÌNH CHÍNH PHỦ

1. Đề nghị giải thích rõ dự thảo Nghị định đã quy định đầy đủ, chi tiết các chính sách đã được Thủ tướng Chính phủ thông qua tại Văn bản số 735/TTg-NN hay chưa và có mở rộng hoặc thu hẹp phạm vi điều chỉnh của dự thảo Nghị định so với Tờ trình số 1772/TTr-BNN-KTHT ngày 26/3/2021 gửi Thủ tướng Chính phủ về việc đề nghị xây dựng Nghị định.

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tiếp thu và làm rõ các vấn đề nêu trên trong dự thảo Tờ trình Chính phủ, không mở rộng hoặc thu hẹp phạm vi điều chỉnh của dự thảo Nghị định.

2. Đề nghị bổ sung làm rõ hơn dự kiến nguồn kinh phí thực hiện.

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tiếp thu và bổ sung dự kiến nguồn lực, gồm: Dự kiến tổng số kinh phí thực hiện các chính sách; nguồn vốn vay; vốn huy động các tổ chức cá nhân; kinh phí của Nhà nước hỗ trợ *(có phụ lục khái toán kinh phí chi tiết kèm theo).*

---

[1] Quy định này áp dụng theo Khoản 2, 3 Điều 4; điểm a, b,c Khoản 1 và điểm d, đ Khoản 2 Điều 13 Luật Thuế Thu nhập doanh nghiệp (Văn bản hợp nhất số 14/VBHN-VPQH ngày 15/07/2020) và Khoản 1 Điều 13 Luật thuế giá trị gia tăng sô 13/2008/QH12.

3. Đề nghị làm rõ sự khác nhau của dự thảo Nghị định với một số chính sách đã được Chính phủ ban hành trong thời gian qua.

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn rà soát các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan với dự thảo nghị định (có báo cáo rà soát các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến dự thảo Nghị định).

III. ĐỐI VỚI BÁO CÁO THỰC HIỆN QUYẾT ĐỊNH SỐ 68/2013/QĐ-TTG CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tiếp thu cập nhật, bổ sung kết quả thực hiện Quyết định số 68/2013/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ đến tháng 6/2021 trong đó phân tích rõ những khó khăn, hạn chế của Quyết định số 68/2013/QĐ-TTg.

Trên đây là Báo cáo tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý về hồ sơ dự thảo Nghị định định khuyến khích phát triển cơ giới hóa đồng bộ trong nông nghiệp./.

Nơi nhận:
- Bộ Tư pháp (để thẩm định);
- Bộ trưởng (để b/c);
- Lưu: VT, KTHT.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Trần Thanh Nam